

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản  
tại các xã khó khăn thuộc huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh,  
Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi một số điều Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3986/TTr-SGTVT ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân; kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo cáo kết quả thẩm định số 3899/SGTVT-TĐKHKT ngày 27/7/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân.

**2. Chủ đầu tư:** Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Nhằm giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường an ninh quốc phòng khu vực.

**4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Hưng Thịnh.

**5. Địa điểm xây dựng:** Trên địa bàn các xã thuộc 06 huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

**6. Diện tích sử dụng đất:** Dự án không chiếm dụng đất.

**7. Quy mô đầu tư xây dựng:** Đào, đắp mở rộng nền đường đảm bảo chiều rộng nền đường tương đương đường giao thông nông thôn cấp C theo TCVN 10380:2014 có  $B_n=4m$ .

### **8. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

a) Bình đồ tuyến: Hướng tuyến hoàn toàn đi theo đường mòn cũ hiện đang được khai thác sử dụng, chỉ mở rộng nền đường theo tiêu chuẩn kỹ thuật từng tuyến.

b) Cắt dọc tuyến: Cơ bản giữ nguyên cao độ nền đường hiện tại.

c) Cắt ngang tuyến: Bề rộng nền đường  $B_n=4m$ ; dốc ngang mặt đường  $i=3\%$ .

d) Mặt đường: Đường đất.

e) Công trình thoát nước: Thoát nước bằng chảy tỏa và đào rãnh đất.

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

**10. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:** Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định tại Công văn số 3899/SGTVT-TĐKHKT ngày 27/7/2022 của Sở Giao thông vận tải.

*(Nội dung chi tiết có hồ sơ BCNCKT kèm theo).*

**12. Tổng mức đầu tư: 18.364.648.000 đồng** (Mười tám tỷ, ba trăm sáu mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 17.770.589.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 474.137.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 116.433.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.489.000 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo).*

**13. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:** Thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cần thiết, phần còn lại Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa phối hợp với các địa phương để huy động sức lao động của nhân dân và Đoàn viên Thanh niên để thực hiện.

Kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế (Chính sách phát triển giao thông nông thôn) trong dự toán Ngân sách tỉnh năm 2022 là 3,0 tỷ đồng.

**14. Thời gian thực hiện:** Năm 2022.

**15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:** Không thực hiện.

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, PCVP Nguyễn Văn Chiến;
- Lưu: VT, CN (H<sup>đgthonban</sup>).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục 1:**

**Vị trí xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tên tuyến</b>	<b>Chiều dài (Km)</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>
<b>I</b>	<b>H. Mường Lát</b>		<b>18,3</b>		
1	Xã Tam Chung	Tuyến 1: Xã Tam Chung, đầu Bản Cân xã Tam Chung đến Bản Chim xã Nhi Sơn	7,0	Đầu bản Cân	Đầu bản Chim
		Tuyến 2: Xã Tam Chung, Bản Tân Hương xã Tam Chung đến Bản Kéo Hượn xã Nhi Sơn	5,3	Bản Tân Hương	Bản Kéo Hượn
2	Xã Quang Chiêu	Tuyến 3: Xã Quang Chiêu, Đầu Bản Con Dao đến Bản Suối Tút	6,0	Đầu bản Con Dao	Bản Suối Tút
<b>II</b>	<b>H. Bá Thước</b>		<b>17,0</b>		
1	Xã Thành Sơn	Tuyến 1: Xã Thành Sơn, hộ Bà Hà Thị Hưng thôn Eo Kén đến hộ Ông Lò Duy Phan thôn Eo Kén	4,0	Hộ bà Hà Thị Hưng	Hộ ông Lò Duy Phan
		Tuyến 2: Xã Thành Sơn, hộ Ông Hà Văn Thảo thôn Kho Mường đến đầu thôn Niêm Thành xã Lũng Niêm	4,0	Hộ Ông Hà Văn Thảo	thôn Niêm Thành
		Tuyến 3: Xã Thành Sơn, đầu đường 521C Thung Mùn đến hộ Ông Hà Văn Đoài thôn Pù Luông	6,0	Đầu đường 521C Thung Mùn	Hộ Ông Hà Văn Đoài
		Tuyến 4: Xã Thành Sơn, hộ ông Ngân Văn Huế thôn Pà Ban đến Đường 135, Đội 3 thôn Pà Ban	3,0	Hộ ông Ngân Văn Huế	Đường 135, Đội 3 thôn Pà Ban
<b>III</b>	<b>H. Như Thanh</b>		<b>11,0</b>		
1	Xã Xuân Thái	Tuyến 1: Xã Xuân Thái, ngã 3 thôn Quảng Đại đến Khe Thị	4,5	ngã 3 thôn Quảng Đại	Khe Thị
		Tuyến 2: Xã Xuân Thái, hộ ông Phan Công Dung làng Lúng đến hộ ông Hà Văn Nghiêm làng Lúng	1,5	hộ ông Phan Công Dung	hộ ông Hà Văn Nghiêm

2	Xã Thanh Kỳ	Tuyến 3: Xã Thanh Kỳ, hộ nhà Bà Sâm thôn Kim Đồng đến hộ nhà Ông Vĩnh thôn Kim Đồng	3,0	hộ nhà Bà Sâm	hộ nhà Ông Vĩnh
		Tuyến 4: Xã Thanh Kỳ, hộ nhà Ông Hiệp thôn Kỳ Thượng đến hộ nhà Ông Du thôn Kỳ Thượng	2,0	hộ nhà Ông Hiệp	hộ nhà Ông Du
<b>IV</b>	<b>H. Thường Xuân</b>		<b>14,2</b>		
1	Xã Luận Khê	Tuyến 1: Xã Luận Khê, hộ Ông Hà Văn Nhất thôn Hợp Nhất đến hộ Ông Chăm Bá Tương thôn Hợp Nhất	1,0	hộ Ông Hà Văn Nhất	hộ Ông Chăm Bá Tương
		Tuyến 2: Xã Luận Khê, hộ Ông Lương Văn Ước thôn An Nhân đến hộ Ông Chăm Văn Tuyên thôn An Nhân	0,8	hộ Ông Lương Văn Ước	hộ Ông Chăm Văn Tuyên
		Tuyến 3: Xã Luận Khê, Trường Tiểu học Luận Khê 2 đến hộ Ông Lữ Văn Quê thôn Hún	3,0	Trường Tiểu học Luận Khê 2	hộ Ông Lữ Văn Quê
		Tuyến 4: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Công Đoàn thôn Yên Mỹ đến Đầu đường 519B	3,5	hộ Ông Lang Công Đoàn	Đầu đường 519B
		Tuyến 5: Xã Luận Khê, hộ Bà Tạ Thị Sáu xóm Trại Thôn Ngọc Trà đến hộ Ông Chăm Bá Cuộc xóm Trại thôn Ngọc Trà	1,6	hộ Bà Tạ Thị Sáu	hộ Ông Chăm Bá Cuộc
		Tuyến 6: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Nguyên Bản thôn Chiềng đến hộ Ông Chăm Tiến Phương thôn Chiềng	2,0	hộ Ông Lang Nguyên Bản	hộ Ông Chăm Tiến Phương
		Tuyến 7: Xã Luận Khê, hộ Ông Chăm Bá Xứng thôn Kha đến hộ Ông Chăm Bá Đua thôn Kha	2,0	hộ Ông Chăm Bá Xứng	hộ Ông Chăm Bá Đua
		Tuyến 8: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Văn Đức thôn Mơ Thắm đến Nhà Văn hóa thôn Mơ Thắm	0,3	hộ Ông Lang Văn Đứ	Nhà Văn hóa thôn Mơ Thắm
<b>V</b>	<b>H. Lang Chánh</b>		<b>9,5</b>		
1	Xã Yên Khương	Tuyến 1: Xã Yên Khương, Suối Pàn bản Giàng đến Póm có Pớ	6,5	Suối Pàn bản Giàng	Póm có Pớ
		Tuyến 2: Xã Yên Khương, Cầu Yên Bình bản Yên Bình đến Suối Có Hao bản Yên Bình	3,0	Cầu Yên Bình	Suối Có Hao

<b>VI</b>	<b>H. Như Xuân</b>		<b>5,0</b>		
1	Xã Thanh Phong	Tuyến 1: Xã Thanh Phong, hộ Ông Lương Văn Thêm thôn Quang Hùng đến hộ Ông Lò Văn Quang thôn Tân Hùng	1,4	hộ Ông Lương Văn Thêm	hộ Ông Lò Văn Quang
2	Xã Thanh Sơn	Tuyến 2: Xã Thanh Sơn, hộ Ông Lang Văn Lá thôn Quăn 1 đến hộ Ông Lang Lăng Thạch thôn Quăn 1	1,6	hộ Ông Lang Văn Lá	hộ Ông Lang Lăng Thạch
3	Xã Thanh Quân	Tuyến 3: Xã Thanh Quân, hộ Ông Lương Ngọc Thước thôn Kẻ Lạnh đến hộ Ông Vi Văn Súc thôn Thanh Tiến	2,0	hộ Ông Lương Ngọc Thước	hộ Ông Vi Văn Súc
<b>Tổng cộng</b>			<b>75,0</b>		

## Phụ lục 2: Tổng mức đầu tư

Dự án xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện: Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị: Đồng.

TT	Đơn vị	Chi phí XD	Chi phí QLDA	Chi phí TVXD	Chi phí khác	TM Đầu tư
<b>I</b>	<b>H. Mường Lát</b>	<b>4.396.196.000</b>	<b>117.295.000</b>	<b>28.804.000</b>	<b>863.000</b>	<b>4.543.158.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	732.000.000				732.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	3.664.196.000	117.295.000	28.804.000	863.000	3.457.229.000
<b>II</b>	<b>H. Bá Thước</b>	<b>4.226.076.000</b>	<b>112.756.000</b>	<b>27.689.000</b>	<b>830.000</b>	<b>4.367.351.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	680.000.000				680.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	3.546.076.000	112.756.000	27.689.000	830.000	3.543.998.000
<b>III</b>	<b>H. Như Thanh</b>	<b>2.332.780.000</b>	<b>62.241.000</b>	<b>15.284.000</b>	<b>458.000</b>	<b>2.410.763.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	440.000.000				440.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	1.892.780.000	62.241.000	15.284.000	458.000	1.782.956.000
<b>IV</b>	<b>H. Thường Xuân</b>	<b>3.272.420.000</b>	<b>87.311.000</b>	<b>21.441.000</b>	<b>642.000</b>	<b>3.381.814.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	568.000.000				568.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	2.704.420.000	87.311.000	21.441.000	642.000	2.550.362.000
<b>V</b>	<b>H. Láng Chánh</b>	<b>2.047.722.000</b>	<b>54.635.000</b>	<b>13.417.000</b>	<b>402.000</b>	<b>2.116.176.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	380.000.000				380.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	1.667.722.000	54.635.000	13.417.000	402.000	1.666.715.000
<b>VI</b>	<b>H. Như Xuân</b>	<b>1.495.395.000</b>	<b>39.899.000</b>	<b>9.798.000</b>	<b>294.000</b>	<b>1.545.386.000</b>
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	200.000.000				200.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	1.295.395.000	39.899.000	9.798.000	294.000	1.294.661.000
	<b>Tổng hợp</b>					
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	<b>3.000.000.000</b>	-	-	-	<b>3.000.000.000</b>
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	<b>14.770.589.000</b>	<b>474.137.000</b>	<b>116.433.000</b>	<b>3.489.000</b>	<b>15.364.648.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.770.589.000</b>	<b>474.137.000</b>	<b>116.433.000</b>	<b>3.489.000</b>	<b>18.364.648.000</b>

**Phụ lục 3: Chi tiết kinh phí hỗ trợ**

**Dự án xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện Mường Lát, Bá Thước, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tên tuyến</b>	<b>Chiều dài (Km)</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ phần xây dựng</b>
<b>I</b>	<b>H. Mường Lát</b>		<b>18,3</b>	<b>732.000.000</b>
1	Xã Tam Chung	Tuyến 1: Xã Tam Chung, đầu Bản Cấn xã Tam Chung đến Bản Chim xã Nhi Sơn	7,0	280.000.000
		Tuyến 2: Xã Tam Chung, Bản Tân Hương xã Tam Chung đến Bản Kéo Hượn xã Nhi Sơn	5,3	212.000.000
2	Xã Quang Chiêu	Tuyến 3: Xã Quang Chiêu, Đầu Bản Con Dao đến Bản Suối Tút	6,0	240.000.000
<b>II</b>	<b>H. Bá Thước</b>		<b>17,0</b>	<b>680.000.000</b>
1	Xã Thành Sơn	Tuyến 1: Xã Thành Sơn, hộ Bà Hà Thị Hưng thôn Eo Kén đến hộ Ông Lò Duy Phan thôn Eo Kén	4,0	160.000.000
		Tuyến 2: Xã Thành Sơn, hộ Ông Hà Văn Thảo thôn Kho Mường đến đầu thôn Niêm Thành xã Lũng Niêm	4,0	160.000.000
		Tuyến 3: Xã Thành Sơn, đầu đường 521C Thung Mùn đến hộ Ông Hà Văn Đoài thôn Pù Luông	6,0	240.000.000
		Tuyến 4: Xã Thành Sơn, hộ ông Ngân Văn Huế thôn Pà Ban đến Đường 135, Đội 3 thôn Pà Ban	3,0	120.000.000
<b>III</b>	<b>H. Như Thanh</b>		<b>11,0</b>	<b>440.000.000</b>
1	Xã Xuân Thái	Tuyến 1: Xã Xuân Thái, ngã 3 thôn Quảng Đại đến Khe Thị	4,5	180.000.000
		Tuyến 2: Xã Xuân Thái, hộ ông Phan Công Dung làng Lúng đến hộ ông Hà Văn Nghiêm làng Lúng	1,5	60.000.000
2	Xã Thanh Kỳ	Tuyến 3: Xã Thanh Kỳ, hộ nhà Bà Sâm thôn Kim Đồng đến hộ nhà Ông Vĩnh thôn Kim Đồng	3,0	120.000.000
		Tuyến 4: Xã Thanh Kỳ, hộ nhà Ông Hiệp thôn Kỳ Thượng đến hộ nhà Ông Du thôn Kỳ Thượng	2,0	80.000.000
<b>IV</b>	<b>H. Thường Xuân</b>		<b>14,2</b>	<b>568.000.000</b>



1	Xã Luận Khê	Tuyến 1: Xã Luận Khê, hộ Ông Hà Văn Nhất thôn Hợp Nhất đến hộ Ông Chăm Bá Trương thôn Hợp Nhất	1,0	40.000.000
		Tuyến 2: Xã Luận Khê, hộ Ông Lương Văn Ước thôn An Nhân đến hộ Ông Chăm Văn Tuyên thôn An Nhân	0,8	32.000.000
		Tuyến 3: Xã Luận Khê, Trường Tiểu học Luận Khê 2 đến hộ Ông Lữ Văn Quê thôn Hún	3,0	120.000.000
		Tuyến 4: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Công Đoàn thôn Yên Mỹ đến Đầu đường 519B	3,5	140.000.000
		Tuyến 5: Xã Luận Khê, hộ Bà Tạ Thị Sáu xóm Trại Thôn Ngọc Trà đến hộ Ông Chăm Bá Cuộc xóm Trại thôn Ngọc Trà	1,6	64.000.000
		Tuyến 6: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Nguyên Bản thôn Chiềng đến hộ Ông Chăm Tiến Phương thôn Chiềng	2,0	80.000.000
		Tuyến 7: Xã Luận Khê, hộ Ông Chăm Bá Xứng thôn Kha đến hộ Ông Chăm Bá Đua thôn Kha	2,0	80.000.000
		Tuyến 8: Xã Luận Khê, hộ Ông Lang Văn Đức thôn Mơ Thắm đến Nhà Văn hóa thôn Mơ Thắm	0,3	12.000.000
<b>V</b>	<b>H. Lang Chánh</b>		<b>9,5</b>	<b>380.000.000</b>
1	Xã Yên Khương	Tuyến 1: Xã Yên Khương, Suối Pàn bản Giàng đến Póm có Pớ	6,5	260.000.000
		Tuyến 2: Xã Yên Khương, Cầu Yên Bình bản Yên Bình đến Suối Có Hao bản Yên Bình	3,0	120.000.000
<b>VI</b>	<b>H. Như Xuân</b>		<b>5,0</b>	<b>200.000.000</b>
1	Xã Thanh Phong	Tuyến 1: Xã Thanh Phong, hộ Ông Lương Văn Thêm thôn Quang Hùng đến hộ Ông Lò Văn Quang thôn Tân Hùng	1,4	56.000.000
2	Xã Thanh Sơn	Tuyến 2: Xã Thanh Sơn, hộ Ông Lang Văn Lá thôn Quăn 1 đến hộ Ông Lang Lăng Thạch thôn Quăn 1	1,6	64.000.000
3	Xã Thanh Quân	Tuyến 3: Xã Thanh Quân, hộ Ông Lương Ngọc Thước thôn Kê Lạnh đến hộ Ông Vi Văn Sức thôn Thanh Tiến	2,0	80.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>75,0</b>	<b>3.000.000.000</b>